15-GIẢI THÍCH CÁC BỒ-TÁT MƯỜI PHƯƠNG ĐẾN
Phần 1

KINH: Khi ấy, qua khỏi thế giới chư Phật nhiều như cát sông Hằng ở phương Đông, ở nơi cùng tận của thế giới kia, có thế giới tên là Đa Bảo, Phật hiệu là Bảo Tích, hiện nay đang vì các đại Bồ-tát thuyết Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Như Phật đã nói hết thảy thế giới là vô lượng vô biên, sao đây lại nói ở bên cùng tận của thế giới kia? Ở bên cùng tận tức là rơi vào tướng hữu biên. Nếu thế giới hữu biên, thì chúng sanh cũng phải hữu tận? Vì sao? Vì mỗi đức Phật độ hết vô lượng vô số chúng sanh vào Vô-dư Niết-bàn, không còn chúng sanh mới cho nên phải tận?

Đáp: Kinh Phật tuy có nói thế giới là vô lượng, đó là phương tiện nói, chứ không phải thật giáo. Như thật không có thần mà vì phương tiện nói có thần. Trong mười bốn nạn ấy, dù nói thế giới là hữu biên hay vô biên, đều là tà kiến. Nếu vô biên thì Phật không có Nhất thiết trí. Vì sao? Vì trí tuệ biết cùng khắp không vật gì không biết, mới gọi là Nhất thiết trí. Nếu thế giới là vô biên, thì Phật có thể biết không hết. Nếu thế giới là hữu biên, thì bị lỗi như trước đã nói. Cả hai đều là tà kiến. Vì sao? Vì nương vô biên để phá hữu biên. Thế giới Đa Bảo này chẳng phải là ở tận cùng của hết thảy thế giới, mà là ở nơi tận cùng các chúng sanh có nhân duyên được độ của đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Giống như ở nơi tận cùng của một nước, thì không nói là ở nơi tận cùng của châu Diêm-phù-đề. Nếu thế giới là vô biên, thì Phật không phải là người biết tất cả. Điều này như đã đáp trong đoạn nói về ý nghĩa Phật ở trên kia. Cho nên, nên biết trí Phật là vô lượng, giống như cái hộp lớn nên nắp cũng lớn.

Hỏi: Thế giới tên Đa Bảo. Bảo có hai thứ là Tài bảo và Pháp bảo. Vì thứ bảo nào nhiều mà gọi là thế giới bảo?

Đáp: Hai thứ đều có. Lại có nhiều Bồ-tát quán chiếu các báu về pháp tánh v.v... (nói báu này là của đại Bồ-tát có được, dùng làm mũ báu, ở trong mũ đều thấy chư Phật và liễu đạt tất cả pháp tánh), vì nhiều báu nên gọi là Đa Bảo. Trong nước ấy có Phật hiệu là Bảo Tích, vì tập hợp các pháp bảo Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Tám chánh đạo vô lậu, nên gọi là Bảo Tích.

Hỏi: Nếu vậy, hết thảy Phật nên gọi là Bảo Tích; vì sao chỉ gọi đức Phật kia là Bảo Tích?

Đáp: Tuy hết thảy chư Phật đều có thứ báu đó, nhưng chỉ đức Phật kia lấy báu đó làm danh hiệu, như Di-lặc tên là Từ-thị... Chư Phật tuy đều có lòng từ, nhưng chỉ Di-lặc lấy từ làm danh hiệu.

Lại nữa, như khi Phật Bảo Hoa sanh ra, khắp trên thân đều có các

thứ hoa sắc sáng chói nên gọi là Thái tử Bảo Hoa. Như vậy khi Phật Nhiên Đăng sanh ra, khắp bên thân sáng như đèn nên gọi là Thái tử Nhiên Đăng, khi thành Phật cũng gọi là Nhiên Đăng (tên cũ là Đỉnh Quang Phật), Phật Bảo Tích cũng như vậy, có thể khi mới sanh cũng có nhiều bảo vật sanh ra, hoặc từ đất sanh, hoặc từ trời mưa các thứ hoa báu tập hợp, nên gọi là Bảo Tích.

Hỏi: Chỉ có một đức Phật Thích-ca Mâu-ni thôi, không có mười phương Phật. Vì sao? Đức Phật Thích-ca Mâu-ni có oai lực vô lượng, có thể độ hết thảy chúng sanh, không còn có Phật khác. Như nói: A-nan nhất tâm suy nghĩ rằng: "Quá khứ các đức Phật Bảo Hoa, Nhiên Đăng v.v... đều sanh vào đời tốt đẹp, thọ mạng rất lâu, mới có thể độ tất cả chúng sanh, còn nay đức Phật Thích-ca Mâu-ni sanh vào đời ác, thọ mạng ngắn ngủi, chắc không thể nào độ tất cả đệ tử" Vì có tâm nghi ngại như vậy nên Phật liền biết điều mà tâm A-nan đang suy nghĩ cho nên ngay khi mặt trời mọc, Phật nhập vào Nhật xuất tam muội. Bấy giờ tất cả các lỗ chân lông trên thân Phật xuất ra các ánh sáng, cũng như quanh mặt trời xuất ra ánh sáng. Ánh sáng ấy chiếu khắp cõi Diêm-phù-đề. Khắp rồi chiếu đến bốn thiên hạ, chiếu bốn thiên hạ khắp rồi, chiếu đến ba ngàn đại thiên thế giới. Chiếu ba ngàn đại thiên thế giới khắp rồi, chiếu đến mười phương vô lượng thế giới. Khi ấy từ bên rốn của Thế Tôn xuất ra các Hoa sen báu, như kệ nói:

Cọng lưu ly sáng xanh,
Ngàn cánh sắc hoàng kim,
Kim-cương làm đài hoa,
Hổ phách trang nghiêm hoa.
Mềm mại không cong thô,
Hoa cao hơn mười trượng,
Cọng lưu-ly xanh biếc,
Dựng ở giữa rốn Phật.
Cánh nó rộng mà dài,
Sắc đẹp giữa ánh sáng,
Vô lượng báu trang nghiêm,
Hoa ấy có ngàn cánh.
Sắc hoa đẹp như vậy,
Từ rốn Phật sanh ra,
Trên bốn đài hoa ấy,
Tỏa báu ánh mặt trời.
Mỗi mỗi các toà báu,
Mỗi tòa có Phật ngồi,
Như núi vàng bốn chóp.
Sáng chói đồng như một.

Từ giữa rốn bốn Phật,
Đều hiện vào sen đẹp,
Trên cọng có tòa báu
Mỗi tòa đều có Phật.
Từ giữa rốn Phật ấy,
Triển chuyển hiện hoa báu,
Mỗi hoa đều có tòa
Mỗi tòa đều có Phật.
Triển chuyển hóa như vậy,
Cho đến trời Tịnh-cư,
Nếu muốn biết gần xa,
Hãy lấy ví dụ nói:
Một viên đá vuông lớn,
Cao rộng như núi lớn,
Từ trên thả rơi xuống,
Đi thẳng không chi ngại.
Vạn tám ngàn ba trăm,
Tám mươi ba năm ròng,

Số năm lâu như vậy,
Nó mới thấu đến đất.
Ở giữa hai khoảng ấy,
Đầy đủ có hóa Phật
Ánh sáng Ngài lớn rộng,
Hơn mặt trời mặt trăng,
Có Phật thân ra nước
Cũng có thân ra lửa,
Hoặc hiện đi kinh hành
Có khi ngồi tĩnh mặc.
Có Phật đi khất thực,
Để phước cho chúng sanh,
Hoặc là thuyết kinh pháp,
Có khi phóng ánh sáng.
Hoặc đến ba đường ác,
Địa ngục băng, tối, lửa.
Hòa khí trừ giá rét.
Ánh sáng chiếu ngục tối.
Chỗ nóng cho gió mát
Tùy việc cứu khổ nó
An ổn không hoạn nạn
Độ thoát bằng pháp lạc.

Các thứ phương tiện như vậy, một lúc có thể độ liền mười phương vô lượng chúng sanh. Độ chúng sanh rồi, trở lại vào bổn xứ ở giữa rốn Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn từ Nhật xuất tam muội dậy, hỏi A-nan rằng: "Ông thấy sức thần thông của tam muội này không?" A-nan bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Con đã thấy". Lại bạch Phật rằng: "Nếu Phật trụ thế thì đệ tử được độ trong một ngày, có thể đầy đủ hư không, huống gì trụ thế hơn tám mươi năm!". Vì vậy nên nói: "Một đức Phật có công đức và thần lực vô lượng, hiện tại hóa độ mười phương, không có Phật khác".

Lại nữa, như Phật nói: "Nữ nhân không được làm Chuyển luân Thánh vương, không được làm Phật, không được làm Đế-thích thiên, Ma vương, Phạm vương, không được làm Phật; không được có hai Chuyển luân Thánh vương cùng cai trị một chỗ, mười phương Thế Tôn cũng không có hai Phật cùng xuất hiện một đời". Lại, Phật nói: "Phật nói không hư dối, một đời không có hai Phật, một pháp khó gặp nhất đó là Phật Thế Tôn; vô lượng ức kiếp, lâu lâu mới có một. Trong chín mươi mốt kiếp; ba kiếp có Phật. Kiếp thứ chín mươi mốt trước hiền kiếp, ban đầu có Phật hiệu là Tỳ-bà-thi (dịch là Chủng-chủng-kiến). Trong kiếp thứ ba mươi mốt có hai đức Phật, một hiệu là Thi-khí (dịch Đại), một hiệu là Tỳ-thứ-bà-phụ (Tỳ -xá-phù - Tàu dịch Nhất thiết chủng). Trong Hiền kiếp có bốn đức Phật: Một hiệu là Ca-la-cưu-xan-đà (Câu-lưu-tôn), hai hiệu là Ca-na-già Mâu-ni (Câu-na-hàm Mâu-ni - Tàu dịch Kim Tiên Nhân), ba hiệu là Ca-diếp, bốn hiệu là Thích-ca Mâu-ni. Ngoài ra các kiếp khác không có Phật, rất đáng thương xót!". Nếu có mười phương Phật, cớ sao nói "các kiếp khác không có Phật, rất đáng thương xót"?

Đáp: Tuy đức Phật Thích-ca có thần lực vô lượng, hay biến hóa làm Phật ở mười phương để thuyết pháp, phóng ánh sáng độ chúng sanh, cũng không thể độ hết chúng sanh, vì bị rơi vào hữu biên, thời không còn có Phật ở vị lai vậy. Nhưng vì chúng sanh không tận, cho nên còn có các đức Phật khác.

Lại nữa, ông nói Phật tự thuyết các nữ nhân không được làm năm việc. Hai Chuyển luân Thánh vương không được đồng thời xuất hiện. Phật cũng như vậy, cùng trong một đời không có hai Phật. Ông không hiểu nghĩa này. Phật có hai nghĩa, có nghĩa dễ hiểu, có nghĩa sâu xa khó hiểu. Như khi Phật sắp vào Niết-bàn, nói với các Tỳ-kheo: "Từ nay nên nương theo pháp, không nên nương theo người; nên nương theo nghĩa, không nên nương theo ngữ; nên nương theo trí, không nên nương theo thức; nên nương theo kinh liễu nghĩa, không nên nương theo kinh chưa liễu nghĩa".

Nương theo pháp là, pháp có mười hai loại; nên nương theo pháp ấy, không nên nương theo người.

Nương nghĩa là, trong nghĩa không có sự tranh cãi về tốt xấu, tội phúc, hư thật. Ngữ là để được nghĩa, nghĩa không phải ngữ, Như người lấy ngón tay chỉ mặt trăng để bảo cho người mê muội, nhưng người mê muội lại thấy ngón tay mà không thấy mặt trăng. Người kia lại nói với người mê muội rằng: "Ta lấy ngón tay chỉ mặt trăng, là để cho ngươi biết mặt trăng, sao ngươi lại nhìn ngón tay mà không nhìn mặt trăng?" Đây cũng như thế. Ngữ để chỉ nghĩa, nghĩa không phải là ngữ, vì vậy không nên nương theo ngữ.

Nương theo trí là, trí hay so lường phân biệt thiện ác, còn thức thì thường tìm vui, không vào được đạo chánh, cho nên nói không nên nương theo thức.

Nương theo kinh liễu nghĩa là, trong các người có Nhất thiết trí, thì Phật là bậc nhất. Trong tất cả các kinh thơ, thì Phật pháp là bậc nhất.

Trong tất cả chúng, thì chúng Tỳ-kheo Tăng là bậc nhất. Bố thí thì được phước lớn, giữ giới được sanh Thiên, như vậy v.v... là kinh liễu nghĩa. Như nói Pháp sư thuyết pháp có năm điều lợi: Một là phước lớn, hai là được người ưa mến, ba là đoan chánh, bốn là danh tiếng, năm là sau được Niết-bàn, ấy là kinh chưa liễu nghĩa. Vì sao chưa liễu? Vì bố thí được phước lớn, ấy là rõ ràng dễ hiểu, còn thuyết pháp thì không có tài vật mà nói là được phước, được phước đây là người thuyết pháp dùng nhiều cách tán thán sự bố thí để phá lòng xan tham của người, cũng trừ lòng xan tham của mình, cho nên nói là chưa liễu. Đây là phần nhiều dẫn những lời phương tiện trong kinh, chứ không phải thật nghĩa. Trong kinh ấy tuy Phật nói đời không có hai Phật cùng xuất hiện, mà không nói trong tất cả mười phương thế giới (không có hai Phật). Tuy nói đời không có hai Chuyển luân Thánh vương, mà cũng không phải nói trong tất cả mười phương ba ngàn đại thiên thế giới không có, mà chỉ nói trong thế giới bốn thiên hạ không có hai Chuyển luân Thánh vương. Do tạo phước thanh tịnh nên một mình làm vua một thế giới, không có các oán địch. Nếu có hai vua thì không gọi là thanh tịnh. Tuy Phật không có tâm tật đố, nhưng vì hạnh nghiệp đời đời thanh tịnh nên cũng không có hai Phật xuất hiện trong một thế giới.

Trăm ức núi Tu-di, trăm ức mặt Trời mặt Trăng, gọi là Tam thiên đại thiên thế giới. Như vậy mười phương hằng hà sa Tam thiên đại thiên thế giới, gọi là một Phật thế giới, trong đó không còn có các Phật khác, thật chỉ có một Phật Thích-ca Mâu-ni. Trong một Phật thế giới ấy thường hóa làm các Phật, các pháp môn, các thân hình, các nhân duyên, các phương tiện để độ chúng sanh. Như vậy nên trong kinh Đa-trì nói: "Trong một đời một thế giới không có hai Phật mà không nói mười phương không có Phật".

Lại nữa, như ông nói: "Một việc khó gặp, đó là Phật Thế Tôn. Lại

nói trong chín mươi mốt kiếp, ba kiếp có Phật; các kiếp khác không có Phật, rất đáng thương xót". Phật vì hạng người tội nặng không gieo trồng thiện căn thấy Phật đó, nên nói Phật ra đời khó gặp như hoa cây Ưu-đàm-bát-la, lâu lâu mới có một lần. Người có tội nặng cũng như vậy, luân chuyển trong ba đường ác. Hoặc sanh ở trong cõi người, cõi Trời mà gặp lúc Phật ra đời, người kia cũng không được thấy Phật. Như nói chín ức nhà trong thành Xá-vệ, có ba ức nhà tận mắt trông thấy Phật, ba ức nhà tai nghe có Phật, mà mắt không thấy, ba ức nhà thì không nghe cũng không thấy. Phật ở tại Xá-vệ hai mươi lăm năm mà các chúng ấy còn không nghe không thấy, huống là ở xa?

Lại nữa, Phật và A-nan đi vào thành Xá-vệ khất thực. Bấy giờ có một bà già nghèo đứng ở đường, A-nan bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Người ấy đáng thương, xin Phật độ cho". Phật nói với A-nan: "Người ấy không có nhân duyên". A-nan thưa: "Phật đi đến gần, người ấy trông thấy tướng hảo quang minh, ắt phát tâm hoan hỷ, lấy đó làm duyên".

Phật đi đến gần, người ấy liền xoay lưng lại với Phật, Phật đi qua cả bốn phía, người ấy cả bốn phía đều xoay lưng lại với Phật mà ngước mặt lên trời. Phật từ trên đi xuống, thì lại cúi mắt xuống đất. Phật từ dưới đất hiện lên, thì lấy hai tay che mắt không chịu nhìn Phật. Phật nói với A-nan: "Còn muốn làm nhân duyên gì nữa?" Có hạng người như vậy, không có nhân duyên đắc độ nên không được thấy Phật. Vì vậy nên Phật nói: "Này A-nan! Phật khó gặp như hoa Ưu-đàm-bát-la; giống như nước mưa tuy nhiều, khắp nơi đều có được, mà Ngạ quỷ thường chịu khát, không thể uống được".

Ông nói trong chín mươi mốt kiếp, chỉ ba kiếp có Phật, đó là nói ở trong một thế giới Phật, chứ không phải tất cả các thế giới khác. Nói "chỗ này kiếp trống không không có Phật xuất thế, thật đáng thương xót", đó cũng là nói ở trong một Phật thế giới này, chứ không phải trong tất cả các thế giới khác. Vì vậy nên biết có mười phương Phật.

Lại nữa, trong pháp Thanh-văn có nói mười phương Phật, mà tự ông không hiểu. Như trong kinh Tạp A-hàm nói: "Thí như mưa lớn liên tục, từng giọt, từng giọt không ngừng, chẳng thể nào đếm hết. Phật thế giới cũng như vậy. Ta thấy ở phương Đông vô lượng thế giới, có thế giới đang thành, có thế giới đang trụ, có thế giới đang hoại, số lượng rất nhiều, không phân biệt nổi. Như vậy cho đến mười phương vô lượng chúng sanh. Trong mười phương thế giới đó, có ba thứ khổ về thân là già, bệnh, chết; ba thứ khổ về tâm là dâm, sân, si; ba thứ khổ về đời sau là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Tất cả thế giới đều có ba hạng người hạ, trung, thượng. Hạng hạ nhân thì đắm say cái thú vui hiện tại; hạng trung nhân thì đắm say cái thú vui đời sau, hạng thượng nhân thì cầu đạo, có tâm từ bi thương xót chúng sanh. Đã có nhân duyên, làm sao không có

quả báo?" Phật nói: "Nếu đời không có già, bệnh, chết, thì Phật không ra đời". Người ấy nhân thấy chúng sanh bị già bệnh chết khổ não, mà trong tâm phát nguyện: "Ta sẽ làm Phật, để độ thoát chúng sanh, dứt trừ tâm bệnh, cứu vớt sự khổ đời sau cho chúng sanh". Như vậy mười phương thế giới đều có nhân duyên có Phật ra đời. Cớ sao chỉ nói chỗ này có Phật, các chỗ khác không có? Giống như có người nói: "Có cây không lửa, có đất ẩm không có nước" là điều không thể tin được. Phật cũng như vậy, chúng sanh thân có cái khổ già, bệnh, chết, tâm có các khổ dâm, sân, si, thì Phật vì dứt ba thứ khổ đó khiến họ được chứng Tam thừa, mà xuất hiện ở đời. Trong tất cả thế giới đều có các khổ đó, làm sao lại không có Phật?

Lại nữa, người mù vô số mà chỉ nói cần một thầy thuốc, thế thì cũng không đúng. Vì vậy nên phải có mười phương Phật.

Lại nữa, trong Trường A-hàm có kinh nói: "Có Quỷ thần vương giữ phương Bắc, với trăm ngàn vạn quỷ thần rất đông, cuối đêm đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật rồi đứng một bên, phóng ra ánh sáng thanh tịnh, chiếu khắp rừng Kỳ-hoàn, làm cho sáng rực, chắp tay tán Phật, nói hai bài kệ rằng:

Tôi quy y bậc Đại tinh tấn,
Trong loài hai chân Phật trên cả,
Bậc có mắt trí tuệ thấy hết,
Chư Thiên không hiểu trí tuệ ấy.
Phật quá khứ, vị lai hiện tại,
Tôi đều cúi đầu lễ tất cả,
Như vậy tôi nay quy y Phật.
Cũng như cung kính Phật ba đời.

Trong bài kệ như vậy có mười phương Phật. Quỷ thần vương cúi đầu lễ Phật ba đời, rồi sau mới riêng quy y Phật Thích-ca Mâu-ni. Nếu không có mười phương Phật hiện tại, thì hãy nên chỉ nói quy y Phật Thích-ca Mâu-ni, không nên nói chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Cho nên nói có mười phương Phật.

Lại nữa, đời quá khứ có vô lượng Phật, đời vị lai cũng có vô lượng Phật. Vì vậy nên hiện tại cũng phải có vô lượng Phật.

Lại nữa, nếu Phật ở trong pháp Thanh-văn, mà nói có mười phương vô số vô lượng Phật thì chúng sanh sẽ nói Phật dễ được gặp, rồi không chịu siêng năng cầu giải thoát. Nếu không gặp Phật này, sẽ gặp Phật kia, cứ như vậy không cần cầu độ thoát. Cũng như Nai khi chưa bị bắn, thời không biết sợ hãi, khi bị bắn rồi mới sợ hãi chạy quanh tìm lối thoát. Người cũng như vậy, có bị khổ già bệnh chết, nên nghe nói chỉ có một đức Phật, rất khó gặp được, thì tâm liền sợ hãi, siêng tu hành tinh tấn cho mau được thoát khổ. Vì vậy nên Phật ở trong pháp Thanh-văn không nói có mười phương Phật, cũng không nói không. Nếu có mười phương Phật

mà ông nói không thì bị tội vô hạn. Nếu không có mười phương Phật mà tôi nói có, ông liền sanh tâm tưởng niệm vô lượng Phật thì được phước cung kính. Vì sao? Do nhân duyên của thiện tâm mà được phước đức lớn. Ví như sức Từ tâm tam muội xem tất cả chúng sanh đều muốn thấy họ thọ hưởng an vui. Tuy không có lợi ích thật, nhưng vì tâm từ quán nên người ấy được vô lượng phước. Tưởng niệm mười phương Phật cũng như vậy. Nếu thật có mười phương Phật mà nói không thì bị vô lượng trọng tội, phá hoại mười phương Phật. Vì sao? Vì phá hoại sự thật. Người với con mắt thịt tuy không biết nhưng tâm tin mà nói có, thì phước ấy vô lượng. Nếu thật có Phật mà trong ý lại nói không thì tội ấy rất nặng. Người tự dụng tâm, còn phải tin là có, huống gì Phật tự nói trong Đại thừa rằng thật có mười phương Phật mà lại không tin ư?

Hỏi: Nếu có mười phương vô lượng Phật và các Bồ-tát, thì nay chúng sanh phần nhiều đang bị đọa trong ba ác đạo, sao lại không đến độ?

Đáp: Vì chúng sanh tội nặng, Phật, Bồ-tát tuy đến cũng không thấy. Lại, pháp thân Phật thường phóng ánh sáng, thường nói pháp, mà vì tội chướng cho nên không thấy, không nghe, giống như mặt trời mọc mà người mù không thấy, sấm sét dậy đất mà người điếc không nghe. Như vậy, pháp thân Phật thường phóng ánh sáng, thường thuyết pháp mà vì chúng sanh vô lượng kiếp tội cấu sâu dày, nên không thấy không nghe. Cũng như gương sáng, nước trong, soi mặt vào thì thấy, còn nước cấu bẩn bất tịnh che tối, thì không trông thấy. Như vậy, chúng sanh thanh tịnh thì thấy Phật, nếu tâm không thanh tịnh, thì không thấy Phật. Nay tuy thật có mười phương Phật và các Bồ-tát đến độ chúng sanh mà chúng sanh không thấy được.

Lại nữa, như Phật Thích-ca Mâu-ni, ở trong châu Diêm-phù-đề, sanh tại nước Ca-tỳ-la-vệ, phần nhiều du hành sáu thành lớn ở Đông Thiên Trúc, có khi bay đến Nam Thiên Trúc đến nhà cư sĩ Ức Nhĩ để thọ cúng dường. Có khi tạm đến nước Nguyệt Chi ở Bắc Thiên Trúc hàng phục Long vương A-ba-la-la. Lại đến phía Tây nước Nguyệt Chi hàng phục nữ La-sát. Phật ở trong hang đá của La-sát một thời gian, đến nay bóng Phật đang còn. Có người đi vào trong xem thì không thấy, ra ngoài ở xa nhìn vào thì thấy tướng ánh sáng như Phật. Có khi tạm bay đến núi của Tiên nhân Lê-bạt-bà nước Kế Tân, trụ giữa hư không mà hàng phục tiên nhân ấy. Tiên nhân nói: Tôi vui ở trong đây, xin Phật cho tóc và móng tay của Phật để dựng Tháp cúng dường.

Tháp nay vẫn còn (dưới núi này có chùa Ly Việt. Ly Việt nên gọi là Lệ-bạt-đà). Người đồng sanh với Phật trong một nước mà không phải ai cũng thấy, huống là ở chỗ khác. Vì vậy nên không thể do không thấy mười phương Phật mà nói là không có.

Lại nữa, Bồ-tát Di-lặc có tâm đại từ bi, mà chỉ ở Thiên cung không đến xứ này, có thể vì không đến mà nói không có Di-lặc ư? Di-lặc ở gần mà không đến, không cho là quái lạ, mười phương Phật ở xa (không đến) đâu đủ cho là quái lạ.

Lại nữa, mười phương Phật không đến vì chúng sanh tội cấu sâu nặng, không gieo trồng công đức thấy Phật, cho nên Phật không đến.

Lại nữa, khi Phật biết tất cả chúng sanh thuần thục, kiết sử mỏng, vậy sau mới đến độ, như kệ nói:

Chư Phật trước xem biết có người,
Dùng hết phương tiện không độ được,
Có người khó độ, người dễ độ,
Hoặc có người chậm, có người mau.
Hoặc dùng ánh sáng, hoặc thần thông.
Các cách nhân duyên độ chúng sanh,
Người muốn làm nghịch Phật thương cứu,
Hoặc muốn làm nghịch Phật không ngăn.
Cương cường khó hóa, dùng lời thô,
Tâm thuần dễ độ dùng lời dịu,
Tuy có tâm từ bi bình đẳng,
Biết thời trí tuệ dùng phương tiện.

Vì vậy nên mười phương Phật tuy không đến mà không nên nói là không có.

Lại nữa, Phật có sức trí tuệ, phương tiện, thần thông, các A-la-hán như Xá-lợi-phất, đại Bồ-tát như Di-lặc còn không thể biết, huống gì người phàm!

Lại nữa, chư Phật đại Bồ-tát, có khi chúng sanh bị cấp nạn như sợ hãi, nhất tâm niệm đến thì khi ấy đến cứu độ. Như ở phía Tây nước đại Nguyệt chi, trong một xứ Phật, có người bị bệnh phong lác, đi đến bên tượng Bồ-tát Biến-cát, nhất tâm tự quy y, niệm tưởng công đức của Bồ-tát Biến-cát, nguyện trừ bệnh ấy. Khi ấy Bồ-tát Biến-cát liền lấy tay phải sáng chói quý báu to lớn xoa trên thân người kia, bệnh liền được lành. Lại, trong một nước có vị Tỳ-kheo tu ở chốn A-lan-nhã, đọc lớn kinh Đại thừa, vị quốc vương nước đó thường trải tóc để ngài bước lên mà đi. Có vị Tỳ-kheo nói với vua rằng: "Người ấy già cả, không tụng kinh nhiều, cớ sao vua cúng dường lớn lao như thế?" Vua nói: "Ta một hôm giữa đêm muốn gặp vị Tỳ-kheo ấy, liền đi đến chỗ ngài ở, thì thấy vị Tỳ-kheo ở trong động tụng kinh Pháp Hoa, và thấy một người sắc vàng sáng chói, cỡi voi trắng chắp tay cúng dường, ta đi dần đến gần

thì biến mất, ta hỏi Đại đức: "Vì sao tôi đến mà người sắc vàng sáng chói biến mất vị Tỳ-kheo đáp: "Đó là Bồ-tát Biến-cát. Bồ-tát Biến-cát tự nói rằng: "Có người nào đọc kinh Pháp Hoa, thì ta sẽ cỡi voi trắng đi đến giáo đạo". Vì tôi tụng kinh Pháp Hoa nên Bồ-tát Biến-cát tự đến (Biến-cát trong kinh Pháp Hoa gọi là Phổ Hiền)".

Lại, tại một nước có vị Tỳ-kheo đọc kinh A-di-đà và Đại Bát-nhã Ba-la-mật, người ấy khi sắp chết, nói với đệ tử rằng: "Phật A-di-đà cùng với đại chúng của ngài đồng đi đến". Tức thời vị ấy cử động thân, tự quy y Phật, giây lát mạng chung.

Sau khi mạng chung, đệ tử chất củi hỏa thiêu, ngày mai bươi trong đống tro thấy lưỡi không cháy. Do tụng kinh A-di-đà Phật mà thấy Phật đi đến, do tụng Bát-nhã Ba-la-mật mà lưỡi không cháy. Đó là do việc hiện rõ trong đời nay, như trong kinh nói việc chư Phật Bồ-tát hiện đến rất nhiều. Như vậy nơi nào có người tội cấu và kiết sử mỏng mà biết nhất tâm niệm Phật với lòng tin thanh tịnh, không nghi ngờ, thì chắc được thấy Phật, không bao giờ hư dối. Do các nhân duyên ấy, biết thật có mười phương Phật.

KINH: Bấy giờ, ở thế giới kia có vị Bồ-tát tên là Phổ Minh.

LUẬN: Nghĩa của Bồ-tát như đã nói ở trong chương Tán thán Bồ-tát.

Hỏi: Sao gọi là Phổ Minh?

Đáp: Ánh sáng Ngài thường chiếu cả thế giới nên gọi là Phổ Minh.

KINH: Thấy ánh sáng lớn ấy, thấy quả đất rung động lớn, lại thấy thân Phật, đi đến chỗ Phật Bảo Tích bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Nay vì nhân duyên gì mà có ánh sáng ấy chiếu đến thế gian, quả đất rung động, lại thấy thân Phật?"

LUẬN: Đất rung động, ánh sáng thân Phật như trước đã nói.

Hỏi: Bồ-tát Phổ Minh ấy là bậc tối tôn nhất trong các Bồ-tát, thì phải tự biết nhân duyên; cớ sao lại hỏi?

Đáp: Bồ-tát Phổ Minh ấy tuy lớn, nhưng không thể biết được trí tuệ, thần lực của chư Phật. Giống như ánh sáng mặt trăng tuy lớn nhưng mặt trời xuất hiện thì biến mất, vì vậy nên hỏi Phật.

Lại nữa, Bồ-tát thường muốn thấy Phật, tâm không nhàm chán thấy đủ, không nhân duyên còn muốn thấy Phật, huống gì có nhân duyên lớn!

Lại nữa, việc ấy không nên nghi ngờ. Vì như trâu nghé đi theo mẹ thì có gì lạ. Lại như tiểu vương triều yết đại vương, lẽ phải là như vậy.

Các đại Bồ-tát cũng như thế, vì được lợi ích lớn, nên thường muốn theo Phật, Bồ-tát ấy thấy việc ấy, tâm liền biết rõ đó chắc là việc lớn, thấy vô số vô lượng thế giới, đều trông thấy nhau, vì thế cho nên hỏi.

Lại nữa, có người nói: " Bồ-tát ấy tự có thần lực biết được, cũng là do thần lực của Phật Thích-ca Mâu-ni làm cho biết. Chỉ vì các tiểu Bồ-tát không biết, cho nên hỏi Phật. Các tiểu Bồ-tát chưa trừ hết sợ hãi khổ nạn, không thể hỏi Phật, thế nên vì họ mà hỏi. Bồ-tát Phổ Minh ấy xuất hiện ở thế giới này cùng với các tiểu nam tử, tiểu nữ nhân, vì vậy nên biết họ không thể hỏi Phật (nên vì họ mà hỏi). Giống như voi lớn có thể xô ngã cây to để cho các voi nhỏ được ăn cành lá, cho nên hỏi Phật: "Thưa Đại đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà có ánh sáng này, quả đất rung động lớn, lại thấy thân Phật?"

❐